

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-PT

Ngày: 09/3/2023

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Tòng

Ông Tôn Văn Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo  
- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 388/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Lê Thị Sum E, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 161/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.2. Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 63/2 ấp Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 123A/6 ấp H1, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Bà Lê Thị Bé C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 768/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.5. Bà Lê Thị Bé M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 552/4 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.6. Bà Lê Thị Mười M, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

1.7. Bà Lê Thị T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 769/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị T:* Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bé T:* Bà Lê Thị Bé M; địa chỉ: số 552/4 ấp Công, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Bé T:* Bà Trần Thị Bích T – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

## 2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1968; *(có mặt)*

2.2. Ông Đồng Văn T, sinh năm 1967; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Số 412/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

2.3. Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1972; *(có mặt)*

2.4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Số 484/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ:* Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 484/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Bé N:* ông Lê Văn L – Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

## 3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đồng Minh S, sinh năm 1987; *(có mặt)*

3.2. Ông Đồng Văn P, sinh năm 1989; *(có mặt)*

3.3. Bà Đồng Thị Ngọc V, sinh năm 2001;

3.4. Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Số 412/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

3.5. Bà Lê Thị Bé S, sinh năm 1970; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đồng Thị Ngọc V, bà Lê Thị Kim N:* Ông Đồng Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 412/1 ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

\* **Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### **Theo bản án sơ thẩm:**

*Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn N trình bày:*

Cha mẹ của nguyên đơn là ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị N có tổng cộng 10 người con gồm: Lê Thị S đã chết (bà S không có chồng, có một người con là Lê Thị

T), Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé S, Lê Thị Bé B, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M.

Cha mẹ của ông X, bà N đã chết trước từ lâu, ông bà không có cha mẹ nuôi hay con nuôi nào khác. Bà Nguyễn Thị N chết năm 1985, ngày 14/9/2017 ông Lê Văn X chết.

Khi ông X chết có để lại di sản là phần đất có diện tích 468m<sup>2</sup> thuộc thửa 299 và 793m<sup>2</sup> thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3, theo bản đồ C quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

Vào ngày 06/5/2016, ông Lê Văn X có lập tờ di chúc định đoạt tài sản trên cho 10 người con như sau:

- Bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé S, Lê Thị Bé B, Lê Thị Bé T mỗi người được nhận 132,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ chính quy là một phần thửa 250, tờ bản đồ số 11) tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

- Bà Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T mỗi người được nhận 117m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ chính quy là một phần thửa 250, tờ bản đồ số 11) tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

Di chúc này được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 06/5/2016. Sau khi ông X chết, di chúc được công bố nhưng bà Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé B không đồng ý nên các nguyên đơn mới khởi kiện ra Tòa án.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế như sau:

\* Đối với thửa 250 tách 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 250 còn lại 1, còn lại 2, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 06/5/2016 phần đất di sản thuộc thửa 299 và thửa 2902, tờ bản đồ số 3, theo bản đồ chính quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X chết để lại. Trong đó:

- Để lại một nền mộ diện tích 106,2m<sup>2</sup> tại thửa 250 tách 2, mở một lối đi vào khu mộ diện tích 66,7m<sup>2</sup> tại thửa 250 tách 3. Phần diện tích đất sử dụng làm khu mộ và lối đi để lại 10 người thừa kế cùng đứng tên, yêu cầu bà Bé N tháo dỡ, di dời nhà và các công trình trên đất để mở lối đi vào khu mộ.

- Phần còn lại yêu cầu nhận thừa kế theo kết quả đo đạc thể hiện tại Sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 250 như sau:

+ Bà Lê Thị Sum E yêu cầu nhận phần 250 còn lại 1 diện tích 165,9m<sup>2</sup>, hiện do bà T quản lý sử dụng, bà đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho những người thừa kế còn lại.

+ Bà Lê Thị Bé M yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 34,6m<sup>2</sup> ở phần 250 tách 5, phần chênh lệch còn lại bà nhận giá trị.

+ Bà Lê Thị T yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 35,1m<sup>2</sup> ở phần 250 tách 6, phần chênh lệch còn lại bà nhận giá trị.

+ Bà Lê Thị Bé C yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 36,5m<sup>2</sup> ở phần 250 tách 7, phần chênh lệch còn lại bà nhận giá trị.

+ Các nguyên đơn đồng ý để bà Lê Thị Bé B được nhận phần 250 tách 4 diện tích 159,8m<sup>2</sup> mà bà B đang quản lý sử dụng và phần lối đi có diện tích 30,5m<sup>2</sup> thửa 250 còn lại 2. Bà B phải hoàn lại giá trị chênh lệch giữa phần bà được nhận với phần thừa kế theo di chúc cho những người thừa kế khác.

+ Bà Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Mười M yêu cầu nhận chung phần thừa 250 tách 1 diện tích 462,9m<sup>2</sup> mà bà Năm đang quản lý sử dụng với bà Lê Thị Bé N.

\* Đối với ngôi nhà nằm trên phần thừa 250 tách 1 hiện nay do gia đình bà N đang ở nguyên đơn xác định đây là ngôi nhà do ông X để lại, nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đồng ý để bà N nhận nhà nhưng phải hoàn lại giá trị cho các nguyên đơn. Việc bà N cho rằng ông X vào ngày 16/5/2011 có lập di chúc cho bà N ngôi nhà diện tích 150m<sup>2</sup> và bà N có sửa chữa ngôi nhà này thì bà N có nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn không đồng ý. Giá trị căn nhà được định giá là 136.828.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu chia giá trị cho 10 người thừa kế, phía bà Bé N được sở hữu căn nhà nên hoàn lại giá trị cho các chị em. Tuy nhiên bà Bé T, Bé T và Mười M yêu cầu không nhận giá trị mà được sở hữu chung với Bé N.

\* Ngoài ra, sau khi ông X chết thì Nhà nước có thu hồi một phần đất thuộc thửa 299 để làm Quốc lộ 57 có đền bù với số tiền là 46.360.000 đồng. Tuy nhiên, do những người thừa kế không thống nhất nên khoảng tiền đền bù này vẫn chưa nhận được. Do đó, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia phần tiền đền bù chia đều cho 10 người thừa kế, mỗi người được nhận 4.636.000 đồng.

\* Đối với phần đất ở thửa 250 còn lại 3 do Bé N quản lý sử dụng và 250 còn lại 4 là do Bé B quản lý sử dụng. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, các nguyên đơn yêu cầu nhận giá trị, đồng ý để bà Bé N và bà Bé B nhận phần các bà đang quản lý. Hai phần đất này sở dĩ không được xác định trong di chúc là do trước đây ông X có bán cho trường học (Trường Mầm non P) nhưng trường học không mua nên mới trả lại hai phần đất này, do đó hai phần đất này có nguồn gốc vẫn là của ông X, nhưng không biết lý do vì sao khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính quy thì trong giấy không có hai phần đất này.

\* Bà T sẽ tự nguyện di dời ngôi nhà ra khỏi phần đất bà T đang quản lý (thửa 250 còn lại 1) để giao lại cho bà Sum E, không yêu cầu bà Sum E hoàn trả giá trị tài sản trên đất.

Bà Lê Thị Bé M hiện đang ở cùng con tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, nhà đất này bà không đứng tên mà do con bà đứng tên.

Bà Lê Thị Sum E hiện đang ở cùng con riêng tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, nhà đất này con bà Sum E đứng tên.

Bà Lê Thị Bé T đang ở cùng với gia đình chồng tại ấp Đ A, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Bé C đang sống cùng với gia đình chồng tại 10B ấp H, xã T huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Lê Thị Bé T ở cùng với gia đình chồng tại ấp H, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Bà có được nhà nước cất cho một cái nhà tình thương nhưng cất trên đất chị chồng.

Bà Lê Thị T hiện đang sống trên phần đất thừa kế, không còn nhà đất nào khác.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:*

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị T là ông Đinh Văn N và nguyên đơn bà Bé T, bà Mười M rút lại yêu cầu về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa 250 còn lại 3 có diện tích 50,5m<sup>2</sup> và thửa 250 còn lại 4 có diện tích 46,3m<sup>2</sup>.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị T là ông Đinh Văn N rút lại yêu cầu về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị căn nhà là 136.828.000 đồng.

- Bà Bé C không yêu cầu nhận phần đất thửa 250 tách 7 có diện tích 36,5m<sup>2</sup>, đồng ý để phần này cho bà Năm, bà B có đất giáp Quốc lộ 57, có không gian nhà, thuận tiện cho việc sinh hoạt nên bà C yêu cầu nhận phần thửa 250 còn lại 1 có diện tích 165,9m<sup>2</sup>; bà T đồng ý giữ nguyên hiện trạng ngôi nhà trên đất giao lại cho bà Bé C ở, không yêu cầu bồi thường nhà do hiện nay bà C không có nhà để ở (đã ly hôn với chồng).

- Bà M yêu cầu nhận thửa 250 tách 5 có diện tích 34,6m<sup>2</sup> và bà T yêu cầu nhận thửa 250 tách 6 có diện tích 35,1m<sup>2</sup>, bà Thuý và bà M yêu cầu đồng đứng tên quyền sử dụng đất thửa 250 tách 5, 6.

- Bà Sum E, bà Mười M, bà Bé T yêu cầu mỗi người được nhận khoảng 103m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 250 tách 1. Bà Sum E, bà Mười M, bà Bé T, bà Bé C đồng ý cùng nhau đứng tên đồng sở hữu chung đối với các phần diện tích các bà được nhận. Còn bà Bé T yêu cầu nhận thừa kế theo di chúc, bà nhận bằng giá trị tương đương phần di sản được nhận.

- Đối với phần lối đi thuộc thửa 250 tách 3 có diện tích 66,7m<sup>2</sup> thì nguyên đơn đồng ý giữ nguyên hiện trạng công trình kiến trúc của bà N trên đất gồm phần diện tích nhà hiện trạng là 10,4m<sup>2</sup> và phần diện tích sân nhà là 5,9m<sup>2</sup>. Lối đi này dùng để làm lối đi chung để đi vào khu mộ và lối đi này cũng sử dụng để cho bà C, bà T, bà Mười M, bà Sum E đi vào phần đất mà họ yêu cầu nhận. Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, không yêu cầu định giá lại.

*Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Mười M trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn khác. Cụ thể:

- Tại phiên tòa bà rút lại yêu cầu về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa 250 còn lại 3 có diện tích 50,5m<sup>2</sup> và thửa 250 còn lại 4 có diện tích 46,3m<sup>2</sup>.

- Bà, bà Sum E, bà Bé T yêu cầu mỗi người được nhận khoảng 103m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 250 tách 1. Bà Sum E, bà Mười M, bà Bé T, bà Bé C đồng ý cùng nhau đứng tên đồng sở hữu chung đối với các phần diện tích các bà được nhận.

- Đối với phần lối đi thuộc thửa 250 tách 3 có diện tích 66,7m<sup>2</sup> thì nguyên đơn đồng ý giữ nguyên hiện trạng công trình kiến trúc của bà N trên đất gồm phần diện tích nhà hiện trạng là 10,4m<sup>2</sup> và phần diện tích sân nhà là 5,9m<sup>2</sup>. Lối đi này dùng để làm lối đi chung để đi vào khu mộ và lối đi này cũng sử dụng để cho bà C, bà T, bà Mười M, bà Sum E đi vào phần đất mà họ yêu cầu nhận.

- Bà yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị căn nhà là 136.828.000 đồng và tiền đền bù thu hồi đất làm Quốc lộ 57 là 46.360.000 đồng theo pháp luật, chia thành 10 phần bằng nhau, bà yêu cầu nhận một phần.

*Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Bé N, ông Đống Văn T trình bày:*

Ông bà thống nhất với hàng thừa kế thứ nhất của ông X mà nguyên đơn trình bày.

Ông X chết năm 2017, khi ông X chết có để lại di sản là phần đất có diện tích 468m<sup>2</sup> thuộc thửa 299 và 793m<sup>2</sup> thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3, theo bản đồ chính quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

Vào ngày 15/6/2011, ông X có lập di chúc để lại cho bà ngôi nhà, diện tích 150m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 299, tờ bản đồ số 3 (nay là một phần thửa 250, tờ bản đồ số 11), tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. Năm 2008, bà đã tu sửa lại toàn bộ ngôi nhà tổng giá trị sửa chữa là 200.000.000 đồng và gia đình bà gồm bà, ông Đống Văn T, Đống Văn Phết, Đống Minh S, Đống Thị Ngọc V và Lê Thị Kim N đã ở tại ngôi nhà này từ 2001 đến nay. Do đó, bà yêu cầu được nhận nhà, đất theo di chúc ngày 15/6/2011; đối với di chúc của ông Lê Văn X lập ngày 06/5/2016 thì bà không đồng ý, theo bà di chúc này không hợp lệ vì đã định đoạt luôn cả phần đất của bà, lúc đó ông X không còn minh mẫn, tỉnh táo. Đối với phần đất còn lại ở phía sau thì bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể bà yêu cầu được nhận phần đất 250 tách 1, 3, 5, 6 và M phần thửa 250 tách 7 mà bà đang quản lý, sử dụng, đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho những người thừa kế còn lại. Bà đồng ý để lại khu mộ có diện tích 106,2m<sup>2</sup> đứng tên chung.

Bà không đồng ý mở lối đi mới tại thửa 250 tách 3, mà giữ nguyên hiện trạng lối đi cũ tại thửa 250 còn lại 2.

Trường hợp bà Lê Thị Bé S không nhận thừa kế và để lại cho bà thì bà đồng ý nhận phần của bà S. Bà đồng ý hoàn lại giá trị căn nhà của bà Lê Thị Bé M ở trên đất (thửa 250 tách 7 diện tích 36,5m<sup>2</sup>).

Đối với phần đất hiện do bà Lê Thị Bé B quản lý, sử dụng thửa 250 còn lại 3 và thửa 250 còn lại 4 do bà Lê Thị Bé N quản lý, sử dụng bà xác định phần này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn X nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất này là không đúng. Nguồn gốc hai thửa này là của ông bà nội để lại cho ông X và hai ông anh ruột của ông X (hiện nay đã mất một người, còn một người đã lớn tuổi ở P tên Lê Văn H) vì trước đó ông bà nội cho ông X và hai ông anh, sau đó cả ba người bán đất cho nhà trường (trường mầm non hiện nay) phần còn lại thì hai anh ông X cho ông C là phần đất mà bà và Bé B quản lý hiện nay. Phần ông X đứng tên tranh chấp hiện nay là M thửa khác với hai thửa này.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà yêu cầu chia theo di chúc ngày 15/6/2011.

\* Ngoài ra, sau khi ông X chết thì Nhà nước có thu hồi một phần đất thuộc thửa 299 để làm Quốc lộ 57 có đền bù với số tiền là 46.360.000 đồng. Tuy nhiên, do

những người thừa kế không thống nhất nên khoảng tiền đền bù này vẫn chưa nhận được. Nay bà đồng ý chia phần tiền đền bù làm 10 phần cho 10 người thừa kế, mỗi người được nhận 4.636.000 đồng.

*Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ là bà Lê Thị Bé B trình bày:*

Bà thống nhất với hàng thừa kế thứ nhất của ông X mà nguyên đơn trình

Ông X chết năm 2017, khi ông X chết có để lại di sản là phần đất có diện tích 468m<sup>2</sup> thuộc thửa 299 và 793m<sup>2</sup> thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3, theo bản đồ chính quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

Lúc sinh thời, bà B được cha là ông Lê Văn X cho về phần đất này để cất nhà ở, việc cho không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Bà cất nhà ở trên đất từ 2008 cho đến nay.

Hiện nay, bà đang quản lý, sử dụng: thửa 250 tách 4 (159,8m<sup>2</sup>), một phần thửa 250 tách 7 (29,4m<sup>2</sup>) và 250 còn lại 3 (50,5m<sup>2</sup>). Trên đất có một ngôi nhà của bà xây dựng và các cây trồng như biên bản thẩm định tại chỗ đã xác định.

Bà không đồng ý chia thừa kế theo di chúc ngày 06/5/2016 vì phần đất có ngôi nhà của bà trở ra lộ bà đã được ông X cho từ năm 2001. Vì vậy, bà yêu cầu được nhận phần bà đang quản lý, sử dụng và đồng ý hoàn lại giá trị phần chênh lệch phần đất còn lại cho những người thừa kế.

Về nguồn gốc hai thửa 250 còn lại 3 và thửa 250 còn lại 4 như bà Bé N trình bày là đúng. Đối với phần thửa 250 còn lại 3 do bà đang quản lý, sử dụng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X nên bà không đồng ý chia.

\* Ngoài ra, sau khi ông X chết thì nhà nước có thu hồi M phần đất thuộc thửa 299 để làm Quốc lộ 57 có đền bù với số tiền là 46.360.000 đồng. Tuy nhiên, do những người thừa kế không thống nhất nên khoảng tiền đền bù này vẫn chưa nhận được. Nay bà đồng ý chia phần tiền đền bù làm 10 phần cho 10 người thừa kế, mỗi người được nhận 4.636.000 đồng.

Bà đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, không ý kiến gì.

*Tại đơn yêu cầu độc lập, văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bé S trình bày:*

Bà thống nhất với hàng thừa kế thứ nhất của ông X mà nguyên đơn trình

Ông X chết năm 2017, khi ông X chết có để lại di sản là phần đất có diện tích 468m<sup>2</sup> thuộc thửa 299 và 793m<sup>2</sup> thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3, theo bản đồ chính quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà không yêu cầu chia thừa kế mà để lại phần thừa kế của bà được nhận cho bà Bé N nhận vì bà Bé N ở nhà thờ và các trách nhiệm thờ cúng cha mẹ.

Ngoài ra, sau khi ông X chết thì Nhà nước có thu hồi một phần đất thuộc thửa 299 để làm Quốc lộ 57, có đền bù với số tiền là 46.360.000 đồng. Tuy nhiên, do những người thừa kế không thống nhất nên khoảng tiền đền bù này vẫn chưa nhận

được. Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 10 phần cho 10 người thừa kế, mỗi người được nhận 4.636.000 đồng.

Bà đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, không kiến gì.

*Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đồng Văn S, ông Đồng Văn P trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bà N và ông T.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:*

1. Chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T đối với bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T, bà Lê Thị Bé B, ông Nguyễn Văn Đ về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với các phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 360,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3, diện tích theo đo đạc thực tế 737,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2902, tờ bản đồ số 3 (nay thuộc một phần thửa 250, tờ bản đồ 11), tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể:

1.1. Bà Lê Thị Bé M và bà Lê Thị T được đồng quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 69,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 34,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 35,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và được trọn quyền sở hữu căn nhà trên đất.

Buộc bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T tự tháo dỡ, di dời sân nền (sân nhà) kết cấu xây dựng sân nền sử dụng đal bê tông cốt thép, có diện tích 11,7m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 14m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11 ra khỏi phần đất nêu trên. (Có họa đồ kèm theo).

1.2. Bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M được đồng quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích là 475,9m<sup>2</sup> gồm diện tích 165,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 còn lại 1 và diện tích 310m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 1a), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất. (Có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận bà Lê Thị T tự nguyện giao cho bà Lê Thị Bé C được trọn quyền sở hữu căn nhà Tòng và 01 cây dừa dưới 04 năm tuổi của bà T trên phần đất nêu trên. Ghi nhận bà T không yêu cầu bà C bồi thường.

Buộc bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Bé N giá trị đất chênh lệch là 4.813.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Bé N giá trị 08 cây dừa dưới 04 năm tuổi với số tiền là 4.000.000 đồng và giá trị nhà tắm, nhà vệ sinh là 2.922.000 đồng.

1.3. Bà Lê Thị Bé N được trọn quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 160m<sup>2</sup> gồm phần diện tích 152,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 1b) và diện tích 7,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 7a), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Bà N được trọn quyền sở hữu căn nhà Tòng và các cây trồng trên phần đất nêu trên.

1.4. Bà Lê Thị Bé B được trọn quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 219,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 159,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 4), diện tích 30,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 còn lại 2 và diện tích 29,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 7b), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Bà B được trọn quyền sở hữu căn nhà tường và các cây trồng trên phần đất nêu trên.

1.5. Bà Lê Thị Bé B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Bé T số tiền giá trị đất là 83.017.000 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 64.479.000 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 63.787.500 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị Bé N là số tiền 12.549.000 đồng.

2. Bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé B được đồng quyền đứng tên và sử dụng khu mộ có diện tích 106,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 2) và lối đi chung diện tích 66,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 3), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Giữ nguyên hiện trạng nhà có diện tích 10,4m<sup>2</sup> và sân nhà có diện tích 5,9m<sup>2</sup> của bà Bé N trên phần lối đi nêu trên.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé S về việc chia thừa kế số tiền đền bù thu hồi đất để cải tạo Quốc lộ 57 là 46.360.000 đồng, thành 10 phần cho 10 người thừa kế. Bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé B mỗi người được nhận 4.636.000 đồng. (Tiền đang được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện giữ tại tài khoản của Trung tâm được mở tại Kho bạc nhà nước huyện L).

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là phần đất thuộc thửa 250 còn lại có diện tích 50,5m<sup>2</sup> và thửa 250 còn lại 4 có diện tích 46,3m<sup>2</sup>.

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn X đối với các phần đất thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3 và thửa đất số 2902, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để điều chỉnh cấp lại cho cho các đương sự nêu trên theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn bà Lê Thị Bé N và ông Đồng Văn T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*\* Bị đơn bà Lê Thị Bé N và ông Đống Văn T trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho bà M, bà T được nhận vị trí đất nằm trước mặt tiền nhà của ông, bà nên ông, bà yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý bồi hoàn giá trị đất cho bà M và bà T.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn Ly trình bày:*

Vị trí đất mà bà M, bà T được đồng đứng tên và quản lý, sử dụng là phần đất có diện tích 69,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 34,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 35,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre, nhưng cả hai thửa đất này đều nằm trên thềm ba và sân trước của nhà bà Năm, che khuất toàn bộ mặt tiền nhà bà Năm nên bà Năm yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý bồi hoàn giá trị đất cho bà M, bà T là 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa M phần bản án sơ thẩm.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đống Văn S, ông Đống Văn P trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bà N, ông T.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Đình Văn N trình bày:*

Theo Sơ đồ mô tả thì thửa 250 (tách 3), 250 (tách 7a), 250 (còn lại 3), 250 (còn lại 2), 250 (tách 7b), 250 (còn lại 4) đều tiếp giáp Quốc lộ 57 nên không ảnh hưởng đến nhà bà N. Hiện tại, bà M và bà T không có chỗ ở nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, ông T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Bé T bà Trần Thị Bích T trình bày:*

Bà N, ông T chỉ kháng cáo phần của bà M, bà T nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bé N và ông Đống Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên tại phần 2 và phần 4 quyết định của bản án cần bổ sung bà Lê Thị Bé S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bà Lê Thị Bé N, ông Đống Văn T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là phần đất có diện tích 468m<sup>2</sup> thuộc thửa 299 và 793m<sup>2</sup> thuộc thửa 2902, cùng tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ chính quy là thửa 250, tờ bản đồ số 11), tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do cụ Lê Văn

X đứng tên quyền sử dụng đất. Các đương sự đều thống nhất về di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ X.

[2] Bà N, ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giao phần đất có diện tích 34,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 35,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre cho ông, bà và ông, bà đồng ý bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà M, bà T là 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

[3] Xét thấy, theo bản án sơ thẩm đã tuyên thì bà Lê Thị Bé M và bà Lê Thị T được đồng đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 69,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 34,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 35,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và được trọn quyền sở hữu căn nhà trên đất. Căn cứ di chúc được cụ Lê Văn X lập vào ngày 06/5/2016 (được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P) thì vị trí đất bà Lê Thị Bé M, bà Lê Thị T được nhận mỗi người là 132,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 2902, tờ bản đồ số 3 (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 31/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L thì các thửa đất 250 tách 5 và thửa 250 tách 6 là thuộc một phần của thửa 299). Do đó, bà M, bà T được nhận thừa kế phần đất tại thửa đất 250 tách 5 và thửa 250 tách 6 là phù hợp với vị trí đất mà các bà được nhận theo di chúc.

[4] Mặt khác, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/11/2020 thì trên phần đất thửa 250 tách 5 diện tích 34,6m<sup>2</sup> có ngôi nhà của bà M được xây cất trên phần đất này; còn phần đất thửa 250 còn lại 1 và ngôi nhà trên đất (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 31/12/2021 là thuộc một phần của thửa 2902) do bà T xây dựng và đang sinh sống nhưng bà T tự nguyện giao lại phần đất thửa 250 còn lại 1 và ngôi nhà trên đất cho bà Bé C nên bà T không còn chỗ nào để ở và trong quá trình giải quyết vụ án bà T chỉ yêu cầu được nhận hiện vật là đất để bà có điều kiện sinh sống và buôn bán nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bà M, bà T được nhận thừa kế phần đất tại thửa đất 250 tách 5 và thửa 250 tách 6 là phù hợp. Bà N, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T, giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 631, 635, 636, 639, 652, 653, 656, 657, 658, 667, 676, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T đối với bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T, bà Lê Thị Bé B, ông Nguyễn Văn Đ về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với các phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 360,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3 và diện tích theo đo đạc thực tế 737,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2902, tờ bản đồ số 3 (nay thuộc M phần thửa 250, tờ bản đồ 11), tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn X đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể:

1.1. Bà Lê Thị Bé M và bà Lê Thị T được đồng quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 69,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 34,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 35,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và được trọn quyền sở hữu căn nhà trên đất.

Buộc bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T tự tháo dỡ, di dời sân nền (sân nhà) kết cấu xây dựng sân nền sử dụng đal bê tông cốt thép, có diện tích 11,7m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất số 250 (tách 5) và diện tích 14m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất số 250 (tách 6), tờ bản đồ số 11 ra khỏi phần đất nêu trên. (Có họa đồ kèm theo).

1.2. Bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M được đồng quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích là 475,9m<sup>2</sup> gồm diện tích 165,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 còn lại 1 và diện tích 310m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 1a), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất. (Có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận bà Lê Thị T tự nguyện giao cho bà Lê Thị Bé C được trọn quyền sở hữu căn nhà Tòng và 01 cây dừa dưới 04 năm tuổi của bà T trên phần đất nêu trên. Ghi nhận bà T không yêu cầu bà C bồi thường.

Buộc các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Bé N giá trị đất chênh lệch là 4.813.000 đồng.

Buộc các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Mười M phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Bé N giá trị 08 cây dừa dưới 04 năm tuổi với số tiền là 4.000.000 đồng và giá trị nhà tắm, nhà vệ sinh là 2.922.000 đồng.

1.3. Bà Lê Thị Bé N được trọn quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 160m<sup>2</sup> gồm phần diện tích 152,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 1b) và diện tích 7,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 7a), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Bà N được trọn quyền sở hữu căn nhà tường và các cây trồng trên phần đất nêu trên.

1.4. Bà Lê Thị Bé B được trọn quyền đứng tên và sử dụng phần đất có diện tích 219,7m<sup>2</sup> gồm diện tích 159,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 4), diện tích 30,5m<sup>2</sup>

thuộc thửa đất số 250 còn lại 2 và diện tích 29,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 7b), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Bà B được trọn quyền sở hữu căn nhà tường và các cây trồng trên phần đất nêu trên.

1.5. Bà Lê Thị Bé B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Bé T số tiền giá trị đất là 83.017.000 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 64.479.000 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 63.787.500 đồng, hoàn trả cho bà Lê Thị Bé N là số tiền 12.549.000 đồng.

2. Các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé S, Lê Thị Bé B được đồng quyền đứng tên và sử dụng khu mộ có diện tích 106,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 2) và lối đi chung diện tích 66,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 250 (tách 3), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Giữ nguyên hiện trạng nhà có diện tích 10,4m<sup>2</sup> và sân nhà có diện tích 5,9m<sup>2</sup> của bà Bé N trên phần lối đi nêu trên.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé S về việc chia thừa kế số tiền đền bù thu hồi đất để cải tạo Quốc lộ 57 là 46.360.000 đồng, thành 10 phần cho 10 người thừa kế. Các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T, Lê Thị Bé N, Lê Thị Bé S, Lê Thị Bé B mỗi người được nhận 4.636.000 đồng. (Tiền đang được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện giữ tại tài khoản của Trung tâm được mở tại Kho bạc nhà nước huyện L).

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của các bà Lê Thị Sum E, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé T, Lê Thị Bé C, Lê Thị Bé M, Lê Thị Mười M, Lê Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là phần đất thuộc thửa 250 còn lại có diện tích 50,5m<sup>2</sup> và thửa 250 còn lại 4 có diện tích 46,3m<sup>2</sup>.

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn X đối với các phần đất thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3 và thửa đất số 2902, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để điều chỉnh cấp lại cho cho các đương sự nêu trên theo quy định.

7. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Lê Thị Bé B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị Bé M 2.931.000 đồng; bà Lê Thị Bé N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị T 5.862.000 đồng.

8. Về án phí:

8.1. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé T là thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

- Bà Lê Thị Sum E phải chịu 4.383.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 991.000 đồng theo biên lai thu số 0001765 ngày 02/10/2020 và 793.000 đồng theo biên lai thu số 0008391 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà Sum E phải nộp tiếp án phí là 2.599.000 đồng.

- Bà Lê Thị Bé C phải chịu 5.848.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 991.000 đồng theo biên lai thu số 0001764 ngày 02/10/2020 và 793.000 đồng theo biên lai thu số 0008392 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà C phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.064.000 đồng.

- Bà Lê Thị Bé M phải chịu 5.848.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 991.000 đồng theo biên lai thu số 0001761 ngày 02/10/2020 và 793.000 đồng theo biên lai thu số 0008390 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà M phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.064.000 đồng.

- Bà Lê Thị Mười M phải chịu 5.848.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 991.000 đồng theo biên lai thu số 0001763 ngày 02/10/2020 và 793.000 đồng theo biên lai thu số 0008389 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà Mười M phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.064.000 đồng.

- Bà Lê Thị T phải chịu 5.848.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 991.000 đồng theo biên lai thu số 0001762 ngày 02/10/2020 và 793.000 đồng theo biên lai thu số 0008388 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà T phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.064.000 đồng.

- Bà Lê Thị Bé N phải chịu 8.533.500 đồng án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lê Thị Bé B phải chịu 4.383.000 đồng án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lê Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008394 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Bà S đã nộp đủ án phí.

8.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Bé N, ông Đồng Văn T phải chịu số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0008455 ngày 10/10/2022 và số 0008491 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (9b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạt**